TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp TP2, xã VP, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp TP2, xã VP, huyện ThS, tỉnh An Giang

Bà D và ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đặng Thị D; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà và ông L do tự tìm hiểu nên tự nguyện chung sống với nhau năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng cách đây vài năm thì phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không hợp, mặc dù nhiều lần hàn gắn nhưng đều không có kết quả nên đã quyết định sống ly thân đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu ly hôn ông L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông L có một con chung tên Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 24/3/1999. Cháu Trọng hiện nay đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành L trình bày: Ông và bà D chung sống với nhau năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, cách đây vài năm thì cả hai quyết định sống riêng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, cũng không có ý định hàn gắn. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 24/3/1999. Cháu Trọng hiện nay đã trưởng thành, có thể tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Thành L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà D và ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Do bà D và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông L là vợ chồng; về con chung tên Nguyễn Thành Tr hiện nay đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Bà Đặng Thị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Thành L chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Thành L có hộ khẩu thường trú tại ấp TP 2, xã VP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thành L để tham gia phiên tòa nhưng bà D, ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét việc tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể hòa hợp nên cả hai quyết định sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đã hai bên hàn gắn nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông L cũng đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do bà D và ông L chung sống với nhau từ năm 2002 như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng."

Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông L không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên bà D yêu cầu ly hôn với ông L không được chấp nhận mà cần không công nhận bà D và ông L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà D và ông L trình bày cả hai có một con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 24/3/1999. Hiện con chung đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà D và ông L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Thành L là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009259 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, bà Đặng Thị D không phải nộp thêm.

Ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mỹ Linh